

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

0333/10/2025

31/10/2025

I. THÔNG TIN MẪU

1. Tên khách hàng: CÔNG TY CPCN PHÚ HÒA TÂN
2. Địa chỉ: 86 Tân Hưng, P. Chợ Lớn, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ mạng lưới cấp nước (tần suất A)
4. Tình trạng mẫu: Mẫu thử đựng trong bình nhựa và bình thủy tinh
5. Số lượng mẫu: 7
6. Ngày nhận mẫu: 22/10/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 22/10/2025 đến 31/10/2025
8. Loại mẫu: Nước sạch
9. Kết quả TN: Xem trang sau.
10. Ghi chú: Danh sách mẫu xem trang cuối.

* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Diệp Thị Hoàng Hà

Bùi Thanh Giang

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
4. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
 - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2A1 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. HCM
 - Email: qlcln@sawaco.com.vn
 - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

0333/10/2025

31/10/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1485	SWC-25/1486
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,60	0,50
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,7	7,7
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,40	0,35
6	Chỉ số Pectmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1485 32 Ngô Quyền, P.Diên Hồng.
- SWC-25/1486 91D Nguyễn Kim, P.Diên Hồng.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0333/10/2025

31/10/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1487	SWC-25/1488
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,60	0,60
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,7	7,7
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,45	0,35
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1487 91 Ba Tháng Hai P.Vườn Lài.
- SWC-25/1488 341 Sư Vạn Hạnh, P.Vườn Lài.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0333/10/2025

31/10/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1489	SWC-25/1490
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,40	0,50
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,7	7,7
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,40	0,34
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1489 209 Lý Thường Kiệt P.Minh Phụng.
- SWC-25/1490 8/32 Tân Hóa, P.Minh Phụng.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.

0333/10/2025

31/10/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
						SWC-25/1491
1	Arsen ((c))	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0005	$\leq 0,01$	KPH
2	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	0
3	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,40
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,7
5	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B -2023	0,035	≤ 2	0,34
6	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,64
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH
8	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH
9	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH
10	Mùi	-	SMEWW 2150B -2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1491 419 Âu Cơ, P.Tân Phú.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((c)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ QUATEST 3.
- KPH: Không phát hiện.